

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**
Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2023
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Hải**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa: ông
Trần Công Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Viên Lệ Y** – sinh năm 1989 (có mặt)

HKTT: SN 124/35/5 T, phường 21, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Khu dân cư s, xã T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Hoàng P** - sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Viên Lệ Y trình bày:**

Tôi và anh Trần Hoàng P chung sống với nhau vào năm 2020, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, không có đăng ký kết hôn. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 02 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thường tìm thú vui bên ngoài, không lo làm ăn, anh P không có trách nhiệm với vợ con, tôi đã khuyên nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng thường cự cãi nhau không thể hòa hợp được.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh N – sinh ngày 14/9/2021.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên toà chị Yến yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng P.
- Về quan hệ con chung: chị Y yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Trần Hoàng P trình bày:**

Qua lời trình bày của cô Y về năm vợ chồng chung sống, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng có 01 con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung như trên là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng sống không hợp rồi cô Y bỏ đi để con lại cho tôi, sau một thời gian khoảng 6 tháng thì hai bên gia đình gặp mặt nhau, tôi và cô Y thoả thuận mỗi người nuôi con 1 tháng, hiện nay mỗi người nuôi con 1 tuần.

Tại phiên toà anh P yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: anh P đồng ý ly hôn với cô Y.
- Về quan hệ con chung: anh P đồng ý giao cháu N cho cô Y nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không công nhận chị Viên Lê Y và anh Trần Hoàng P là vợ chồng. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Minh N, sinh ngày 14/9/2021 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: buộc chị Y phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Trần Hoàng P cư trú tại ấp H, xã H1, huyện Tân

Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Y và anh P xác nhận anh chị chung sống với nhau vào năm 2020, không có đăng ký kết hôn.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Bởi vì chị Y và anh P chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh P không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận chị Y và anh P là vợ chồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Y và anh P xác nhận anh chị có 01 người con chung là Trần Minh N – sinh ngày 14/9/2021. Tại phiên tòa chị Y yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”* và tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu N dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và tại phiên tòa anh P đồng ý giao cháu N cho chị Y nuôi dưỡng, chị Y cho rằng chị Y đủ điều kiện để nuôi cháu N nên không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Y và anh P. Giao cháu Trần Minh N – sinh ngày 14/9/2021 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh P không cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Y và anh Ph xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0000394 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 51, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Viên Lê Y và anh Trần Hoàng P.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Viên Lê Y và anh Trần Hoàng P. Giao cháu Trần Minh N – sinh ngày 14/9/2021 cho chị Viên Lê Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Hoàng P không cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí HNST: Buộc chị Viên Lê Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0000394 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Ái